

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2023/HS-PT

Ngày: 19 - 9 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Thế Phương

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Quang

Ông Trần Nam Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 212/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Lâm Thanh T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

Lâm Thanh T, sinh năm 1984 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 12, Khu PT, thị trấn L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1948; Chồng Lê Thanh M, sinh năm 1983 (đã ly hôn); Sống chung như vợ chồng với Nguyễn Trung S, sinh năm 1993 (không đăng ký kết hôn); Con: có 02 người con, trong đó có 01 con chung (sinh năm 2008) với ông Lê Thanh M và 01 con chung (sinh năm 2017) với ông Nguyễn Trung S.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trương Văn B, Luật sư Nguyễn Văn A - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

*- Ngoài ra, vụ án còn có bị hại nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên không có triệu tập.*

(Bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

### 1. Nội dung chính:

Lâm Thanh T là nhân viên tiếp thị và Nguyễn Khoa H là nhân viên giao hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ vận tải DN (gọi tắt là Công ty DN) ở địa chỉ số 18x đường 76y, ấp L, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai do chị Vũ Thiên Ng là người đại diện theo pháp luật. Nhiệm vụ của T được giao là nhân viên tiếp thị giới thiệu sản phẩm hàng hóa ra thị trường và tìm khách hàng. Khi có người mua hàng T lập danh sách báo lại cho Ng để chị Ng lên đơn hàng, chuẩn bị hàng và sau đó giao hàng cho Nguyễn Khoa H (nhân viên giao hàng, thu tiền) đi giao cho người mua và nhận tiền, nếu người mua nợ tiền hàng thì ký nợ vào phiếu giao hàng để H đem về cho Ng theo dõi chốt công nợ hàng tháng. Sau khi được chị Ng xuất hàng đưa cho H đi giao thì T nói với H chờ hàng đến giao cho T tại tổ 12, khu PT, thị trấn L, huyện T để T bán cho một số khách hàng nhằm mục đích tăng doanh số bán hàng cho T. Tin tưởng T nói thật nên H giao hàng cho T một số lần và để T giả mạo ký tên người mua ký bên nợ tiền vào phiếu giao hàng hóa rồi H đem về giao lại cho chị Ng.

Bằng thủ đoạn gian dối này T đã giả chữ ký của những người mua hàng để chiếm đoạt hàng hóa của Công ty DN, cụ thể:

Ngày 30/11/2020 T giả chữ ký của cửa hàng “Hồng Ph” ở xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai chiếm đoạt của Công ty DN số hàng hóa trị giá 40.052.000 đồng.

Ngày 15/12/2020 T giả chữ ký của cửa hàng “Phát T” ở xã Lộ X, huyện N, tỉnh Đồng Nai chiếm đoạt của Công ty DN số hàng hóa trị giá 10.053.000 đồng.

Ngày 24/12/2020 T giả chữ ký của cửa hàng “Bích T” ở xã L, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai chiếm đoạt của Công ty DN số hàng hóa trị giá 20.000.000 đồng.

Ngày 25/12/2020 T giả chữ ký của cửa hàng “Đạo Tr” ở xã Đ, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai chiếm đoạt của Công ty DN số hàng hóa trị giá 20.217.000 đồng.

Ngày 28/12/2020 T giả chữ ký của cửa hàng “Siêu thị sữa Phước B” ở xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai chiếm đoạt của Công ty DN số hàng trị giá 10.000.000 đồng.

Ngày 07/01/2021 T giả chữ ký của cửa hàng “Siêu thị sữa Long Th” ở xã Th, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai chiếm đoạt của Công ty DN hàng trị giá 53.574.000 đồng.

Đến cuối tháng 12/2020 sau khi đối chiếu thu hồi nợ chị Ng phát hiện, số hàng hóa trên không được chuyển giao cho khách mua hàng mà bị T chiếm đoạt tương đương số tiền 153.896.000 đồng nên trình báo Công an. Qua làm việc T khai nhận hành vi phạm tội nêu trên và không có khả năng hoàn trả số tiền chiếm đoạt của Công ty DN.

\* Vật chứng vụ án: Toàn bộ số hàng hóa sau khi chiếm đoạt T đã bán cho người khác nên không thu hồi được. Riêng các phiếu giao hàng do T giả chữ ký được thu giữ đưa vào hồ sơ vụ án.

\* Về trách nhiệm dân sự: Vào ngày 21/12/2022 bị cáo T đã bồi thường cho

Công ty DN số tiền 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa chi Ng yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường cho Công ty DN số tiền 198.501.000 đồng.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, đã quyết định như sau:

1/ Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s, n khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Lâm Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lâm Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 468, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lâm Thanh T phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ vận tải DN số tiền 113.896.000đ (Một trăm mười ba triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Kháng cáo:

Ngày 10/5/2023, bị cáo Lâm Thanh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin cho bị cáo hình phạt tù treo. Lý do: Gia đình bị cáo neo đơn, nghèo khổ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nếu bị cáo đi tù thì sẽ không ai nuôi mẹ già bị mù lòa và 02 con nhỏ.

4. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Do hoàn cảnh khó khăn bị cáo lỡ thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên bị cáo phải gánh chịu trách nhiệm. Chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có hoàn cảnh hết sức khó khăn, bị cáo là lao động chính phải nuôi hai con nhỏ, mẹ già bị mù lòa và hiện tại bị cáo mang thai sắp đến ngày sinh nở, người sống chung với bị cáo cũng đã bỏ đi, nếu bị cáo phải thi hành án tù thì không ai chăm sóc con, mẹ già và cũng để bị cáo có điều kiện lao động có nguồn thu nhập khắc phục tiếp phần thiệt hại cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, n, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

5. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm, cho thấy cấp sơ thẩm giải quyết là có cơ sở. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp giấy xác nhận có hoàn

cảnh khó khăn, phải nuôi 02 con và mẹ già, giấy kết quả siêu âm bị cáo đang mang thai sắp sinh, đây là tình tiết mới đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo Lâm Thanh T trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với mô tả và nhận định trong bản án của cấp sơ thẩm.

Như vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lâm Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo đang có thai là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về xét kháng cáo:

Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp đơn xác nhận có hoàn cảnh khó khăn, đang phải nuôi 02 con còn nhỏ, nuôi mẹ già và đang mang thai sắp đến ngày sinh, nên áp dụng cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì bị cáo không đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Do đó, chỉ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo là giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Xét quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo có phần phù hợp nên chấp nhận phần phù hợp.

[8] Xét quan điểm của đại diện của Viện kiểm sát: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có phần phù hợp nên chấp nhận phần phù hợp.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lâm Thanh T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2023/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T.

1. Quyết định hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ Luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lâm Thanh T 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lâm Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện T;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng, Tòa Hình sự, Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thế Phương**